

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 01 năm 2022

“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng – Ông Nguyễn Hữu Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2021/QĐST- HNGĐ ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2021/QĐ-HPT ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh ngày 12/9/1990

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn A - sinh ngày 16/7/1991.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn A cưới nhau vào tháng 9/2014, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện. Trước khi cưới chị H, anh A đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46 ngày 22/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, quan điểm sống vợ chồng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên đã có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Ngoài ra anh A không chung thủy với vợ, có quan hệ với người phụ nữ khác. Do những mâu thuẫn trên nên vợ chồng có những xử sự không đúng, thiếu văn hóa đối với

nhau. Mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình đã hòa giải cho vợ chồng với mục đích để núi kéo hôn nhân nhưng không đưa lại kết quả gì, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn đã làm cho không khí trong cuộc sống chung của vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng, nặng nề gây khó chịu cho nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ từ cuối tháng 11 năm 2019 đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm đối với anh A nữa, hôn nhân giữa chị và anh A đã hoàn toàn đổ vỡ, chị H đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn A.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Phan Thị Ngọc L (Giới tính: nữ), sinh ngày 01/8/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh A không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị H yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn A, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh A có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của anh để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn A cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phan Văn A, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh A không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt, bị đơn anh Phan Văn A vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt đối với bị đơn anh Phan Văn A.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn A đảm bảo đúng quy định của pháp luật, hôn nhân giữa chị H, anh A là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi tiến tới hôn nhân anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 46 ngày 22/9/2014 nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn A là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn A tan rã, đổ vỡ là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng đã có nhiều xử sự thiếu tôn trọng nhau. Ngoài ra anh A không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị H. Sau khi vợ chồng sống ly thân, các bên không có ý níu kéo hôn nhân để mặc hậu quả xảy ra, điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh A đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của chị H. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn A là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phan Văn A.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự chu cấp của anh A về việc nuôi con chung, nhưng chị H đã nuôi con tốt, dạy con ngoan, phát triển tốt về mọi mặt. Nay chị H đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần xử chấp nhận việc đề nghị giao con của chị H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung, nên miễn xét

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Văn A.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Phan Thị Ngọc L (Giới tính: nữ), sinh ngày 01/8/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phan Văn A vì chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

Anh Phan Văn A người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại

thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0010943 ngày 22/11/2021, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T(Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc